

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2017/HSST

Ngày 18/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiên;

2. Ông Nguyễn Bá Đăng;

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/HSST ngày 09/6/2017 đối với các bị cáo:

1). Bùi Thanh N1, sinh ngày 13/7/1980;

Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; Họ tên bố: Bùi Huy Đ, sinh năm 1959; họ tên mẹ: Vũ Thị R1, sinh năm 1962; Họ tên vợ: Mai Thị T3, sinh năm 1991; có 03 con (Con lớn sinh năm 2013; con nhỏ sinh năm 2016). Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 28/12/2016, bị Công an tỉnh Thái Bình xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức xử phạt là phạt tiền 20.000.000, đồng; đã nộp phạt xong ngày 20/02/2017.

Danh chỉ bản số 4048 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 20/02/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2017, bị tạm giam từ ngày 24/02/2017; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

2). Lưu Đức P1, sinh ngày 05/7/1977;

Nơi sinh: Xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn V1, xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên bố: Lưu Đức P2, sinh năm 1928; họ tên mẹ: Trần Thị D, sinh năm 1929; Họ tên vợ: Nguyễn Thị A1, sinh năm 1983; có 03 con (Con lớn sinh năm 2003; con nhỏ sinh năm 2011).

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 16639 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 01/3/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

3). Tạ Ngọc A2, sinh ngày 20/11/1992;

Nơi sinh: Xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L2, xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; Họ tên bố: Tạ Ngọc L3, sinh năm 1957; họ tên mẹ: Tạ Thị N2, sinh năm 1960; Họ tên vợ: Hà Thu T5, sinh năm 1991; có 01 con sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 4049 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 20/02/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2017 đến ngày 24/02/2017 chuyển áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

4). Trần Đức K, sinh ngày 12/8/1975;

Nơi sinh: Xã T6, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L4, xã T6, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; Họ tên bố: Trần Đức N3, sinh năm 1926; họ tên mẹ: Vũ Thị L5 (Đã chết); Họ tên vợ: Nguyễn Thị P3, sinh năm 1986; có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 28/12/2016, bị Công an huyện Thái Thụy xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức xử phạt là phạt tiền 1.500.000, đồng; đã nộp phạt xong.

Danh chỉ bản số 4047 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 20/02/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2017, bị tạm giam từ ngày 24/02/2017; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

5). Hoàng Văn T7, sinh ngày 27/12/1972; Nơi sinh: Xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn V2, xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; Họ tên bố: Hoàng Văn L6, sinh năm 1937; họ tên mẹ: Lê Thị T9, sinh năm 1939; Họ tên vợ: Lê Thị L7, sinh năm 1977; có 02 con (Con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2008). Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 16641 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 06/3/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

6). Nguyễn Văn C1, sinh ngày 11/9/1977;

Nơi sinh: Xã T10, huyện T8, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn H1, xã M, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên bố: Nguyễn Văn C2, sinh năm 1951; họ tên mẹ: Nguyễn Thị T11, sinh năm 1955; Họ tên vợ: Nguyễn Thị P4, sinh năm 1981; có 02 con (Con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008). Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 4053 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 01/3/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/02/2017; hiện bị tạm giam tại Trại Tạm giam thuộc Công an tỉnh Thái Bình; trích xuất, có mặt.

7). Tạ Ngọc T12, sinh ngày 29/9/1995;

Nơi sinh: Xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn V3, xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên bố: Tạ Ngọc T13, sinh năm 1966; họ tên mẹ: Giang Thị H2, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 28/12/2016, bị Công an huyện Thái Thụy xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, hình thức xử phạt là phạt tiền 2.000.000, đồng; đã nộp phạt xong ngày 30/6/2016.

Danh chỉ bản số 0941 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 04/4/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2017, bị tạm giam từ ngày 12/4/2017; hiện bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ thuộc Công an huyện Thái Thụy; trích xuất, có mặt.

8). Lê Văn S (Tên gọi khác: Lê Hữu S), sinh ngày 17/8/1968;

Nơi sinh: Xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn V4, xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/10; Họ tên bố: Lê Hữu R1 (Đã chết); họ tên mẹ: Giang Thị M1, (Đã chết); Họ tên vợ: Đồng Thị D1, sinh năm 1968; có 02 con (Con lớn sinh năm 1986; con nhỏ sinh năm 1990).

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 16638 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 01/3/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

9). Nguyễn Văn D2, (Tên gọi khác: Nguyễn Văn R2), sinh ngày 18/3/1982; Nơi sinh: Xã T10, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn N4, xã T10, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên bố: Nguyễn Văn V5, sinh năm 1954; họ tên mẹ: Bùi Thị T14, sinh năm 1954; Họ tên vợ: Lê Thị H3, sinh năm 1987; có 01 con sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

Danh chỉ bản số 16641 do Công an tỉnh Thái Bình lập ngày 06/3/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/02/2017 đến ngày 19/02/2017 chuyển áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn S:

Ông Bùi Gia N5- là luật sư thuộc Chi nhánh văn phòng luật sư Bùi Gia N5 thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Bùi Thanh N1, Lưu Đức P1, Tạ Ngọc A2, Trần Đức K, Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn D2, (Tên gọi khác: Nguyễn Văn R2), Tạ Ngọc T12, Lê Văn S (Tên gọi khác: Lê Hữu S) bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố hành vi phạm tội như sau:

Hồi 14 giờ ngày 17/02/2015, bị cáo T12 đến nhà bị cáo S hỏi nhờ địa điểm để tổ chức đánh bạc; bị cáo S đồng ý rồi đi ra đồng làm việc. Bị cáo T12 tổ chức cho các bị cáo P1, N1, A2, K, D2, T7, C1 tụ tập đánh bạc ăn tiền bằng hình thức xóc đĩa tại nhà bị cáo S thuộc địa phận thôn V4, xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Dụng cụ đánh bạc gồm: 01 bộ bát đĩa bằng sứ, 04 quân vị hình tròn. Đặc điểm của bốn quân vị là có hình tròn bằng nhau, đường kính mỗi quân vị là 1,5cm, có một mặt trắng, một mặt xanh được cắt từ quân bài tứ-lo-khơ. Những người tham gia đánh bạc gồm: 01 người cầm cái (gọi là nhà cái) và những người chơi bạc (gọi là con bạc); các con bạc phân định thắng thua với nhau bằng cách xác định chẵn lẻ. Phương thức đánh bạc là nhà cái cho 4 quân vị vào đĩa, dùng bát úp kín rồi xóc lên,

xóc xuống nhiều lần, đặt xuống chiếu. Các con bạc đặt tiền vào “*cửa chắn*” hoặc “*cửa lẻ*” tùy ý; sau khi mọi người đặt tiền xong thì nhà cái mở bát. Kết quả được gọi là “*chắn*” nếu có 02 quân màu xanh, 02 quân màu trắng hoặc 04 quân cùng màu trắng, hoặc 04 quân cùng màu xanh; khi này người đặt “*cửa chắn*” thắng; người đặt “*cửa lẻ*” thua. Kết quả gọi là “*lẻ*” nếu có 01 quân màu xanh, 03 quân màu trắng hoặc ngược lại 01 quân màu trắng, 03 quân màu xanh; khi này người đặt “*cửa lẻ*” thắng; người đặt “*cửa chắn*” thua. Số tiền thắng thua của từng người bằng đúng số tiền đã đặt cược. Mức đặt cược của mỗi người một ván thấp nhất là 50.000,đồng; trong quá trình đánh bạc, bị cáo P1 là người cầm cái; những bị cáo khác khi đặt cửa “*chắn*”, khi đặt cửa “*lẻ*”. Hồi 15 giờ 36 cùng ngày, trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an tỉnh Thái Bình- Công an xã T8 bắt quả tang; thu giữ 01 chiếc chiếu cói, 01 tấm thảm, 01 chiếc ghế nhựa thấp màu đỏ, 01 ghế gỗ nhỏ thấp, 15 mảnh vỡ bằng sứ, 04 quân bài vị; thu giữ số tiền 17.310.000,đồng trên chiếu bạc; thu giữ từ bị cáo D2 750.000,đồng, thu giữ từ bị cáo S 500.000,đồng.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 08/6/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo N1, P1, A2, K, D2, T7, C1, T13, S về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo N1, P1, T13, S, A2, K, D2, T7 và C1 phạm tội “Đánh bạc”;

- Về hình phạt:

- +Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 33, 45 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo N1 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù;

- +Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 53; 45; 60 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo P2 từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng;

- +Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 45, 33, 53 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo K từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù;

- +Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, điểm p khoản 1, 2 Điều 46; các Điều 20, 53, 45, 60 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo S từ 5 (Năm) tháng đến 7 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng;

- + Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 45, 60 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Tạ Ngọc A2 từ 8 (Tám) tháng đến 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng đến 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng;

- +Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20, 53, 45, 33 Bộ luật Hình sự; Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo T12 04 (Bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù, trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa;

+Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 45, 33 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo C1 từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 45, 60 đề nghị xử phạt bị cáo T7 từ 5 (Năm) tháng đến 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng;

+Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; các Điều 20, 53, 45, 60 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo D2 từ 4 (Bốn) tháng đến 06 (Sáu) tù cho hưởng án treo, thử thách từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng;

-Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, T12, S từ 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) đến 5.000.000đồng (Năm triệu đồng); không phạt tiền D2 do bị cáo không lao động được;

-Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng 01 tấm thảm kích thước 2,5x0,6 m; 01 chiếc ghế nhựa màu đỏ loại ghế thấp 01 chiếc ghế gỗ loại ghế nhỏ thấp 15 mảnh vỡ bằng sứ có hình dạng kích thước khác nhau; 04 quân vị hình tròn đường kính 1,5cm cắt từ lá bài tứ lơ khơ;

-Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 18.560.000đồng gồm: 17.310.000đồng thu giữ trên chiếu bạc; 750.000,đồng thu giữ từ bị cáo Đinh; 500.000đồng do bị cáo Sáu giao nộp.

Tại phiên tòa, các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, T12, S, D2 đều trình bày: Chiều ngày 17/02/2017, bị cáo T12 nhờ nhà bị cáo S để tổ chức cho các bị cáo đánh bạc với hình thức xóc đĩa. Có 7 bị cáo tham gia đánh bạc gồm: Bị cáo P1 là người cầm cái; các con bạc là bị cáo N1, bị cáo P1, A2, K, D2, T7, C1 tham gia đặt cửa; mức đặt cửa thấp nhất là 50.000,đồng. Số tiền các bị cáo đem đến để đánh bạc là: Bị cáo N1: 7.800.000,đồng; bị cáo P1: 200.000,đồng; bị cáo Ngọc A2: 2.300.000,đồng; bị cáo K: 1.400.000,đồng; bị cáo D2: 850.000,đồng; bị cáo T7: 700.000,đồng; bị cáo C1: 500.000,đồng. Bị cáo T12 không tham gia đánh bạc mà chỉ đứng ra tổ chức và thu tiền hồ của mỗi người 100.000,đồng, khi thu tiền hồ bị cáo T12 vẫn để trên chiếu bạc. Hồi 16 giờ 00 ngày 17/02/2017, trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an tỉnh Thái Bình- Công an xã T8 bắt quả tang; thu giữ 01 chiếc chiếu cói, 01 tấm thảm, 01 chiếc ghế nhựa thấp màu đỏ, 01 ghế gỗ nhỏ thấp, 15 mảnh vỡ bằng sứ, 04 quân bài vị. Thu giữ trên chiếu bạc 17.310.000,đồng; thu giữ từ bị cáo D2: 750.000đồng, thu giữ từ bị cáo S 500.000đồng. Các bị cáo đều nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo P1, A2, T7, S xin được cải tạo tại địa phương.

Trong quá trình điều tra, những người làm chứng là các anh Đinh Công M2, Lê Kim Nh, Đỗ Xuân T15, anh Lê Hữu T16 trình bày: Anh M2 cầm hộ nước ngọt, anh T15 cầm hộ thuốc lá vào nơi các bị cáo đánh bạc; anh Nh ngồi xem đánh bạc; anh T16 thấy Công an vào bắt nên đến xem. Các anh đều chứng kiến việc bắt giữ nhưng đều không tham gia đánh bạc.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo S trình bày: Không có ý kiến gì về cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ để xử bị cáo S mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, T12, S, D2 đều khai nhận: Chiều ngày 17/02/2017, bị cáo S cho mượn nhà để bị cáo T12 tổ chức cho các bị cáo P1, N1, A2, K, D2, T7, C1 đánh bạc thắng thua bằng tiền, hình thức xóc đĩa. Hồi 15 giờ 36, khi các bị cáo đang đánh bạc thì Công an vào bắt quả tang; số tiền thu trên chiếu bạc là 17.310.000, đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 15 giờ 36 ngày 17/02/2017; Các biên bản quản lý vật chứng; lời khai của người làm chứng kiến là anh Đinh Công M2, anh Lê Kim Nh, anh Đỗ Xuân T15 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 16 giờ ngày 17/02/2017, các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, D2 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa tại nhà ở của bị cáo S. Bị cáo T12 có hành vi tổ chức đánh bạc, bị cáo S có hành vi gá bạc thuộc trường hợp phải chịu trách nhiệm về đồng phạm tội đánh bạc quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 và Điều 249 của Bộ luật Hình sự của Hội đồng Thẩm phán- Tòa án nhân dân Tối cao ngày 22 tháng 10 năm 2010. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “Đánh bạc”; tội phạm và hình phạt quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2 quyết định truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

Các bị cáo đều là người lao động, nhưng không chịu tu dưỡng nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Mặc dù biết hành vi đánh bạc là hành vi vi phạm pháp luật, gây tổn thất về kinh tế đồng thời còn là nguyên nhân gây ra hành vi vi phạm pháp luật khác nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự xã hội, nên phải xử lý về hình sự và cần có hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, T12, S, D2 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

-Các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, T12, S, D2 đều thành khẩn khai báo, tại phiên tòa ăn năn hối cải nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo P1, A2, D2, S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T12 đến Cơ quan điều tra đầu thú; bị cáo S có thời gian tham gia Quân đội; bị cáo P1

có mẹ là người có công với cách mạng, có anh trai là liệt sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò các bị cáo: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong đó:

- Bị cáo N1 là người tham gia đánh bạc với số tiền lớn nhất; bị cáo P1 là người cầm cái. Vì vậy, bị cáo N1, bị cáo P1 là những người thực hành tích cực nhất, phải chịu hình phạt ngang nhau và cao hơn các bị cáo khác.

- Bị cáo A2, bị cáo K tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ hơn bị cáo N1; bị cáo D2, bị cáo T7, bị cáo C1 tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ hơn bị cáo K. Vì vậy, các bị cáo A2, bị cáo K phải chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo N1 nhưng cao hơn các bị cáo D2, bị cáo T7, bị cáo C1.

- Bị cáo T12, bị cáo S là đồng phạm tội đánh bạc nên cũng phải chịu trách nhiệm nhưng ở mức độ thấp hơn các bị cáo D2, bị cáo T7, bị cáo C1.

Hiện nay, các tội xâm phạm trật tự công cộng nói chung, tội phạm đánh bạc nói riêng có diễn biến phức tạp, ảnh hưởng xấu đến an toàn, trật tự xã hội, là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác. Việc tụ tập nhiều người đánh bạc giữa ban ngày đã thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo; xâm phạm trật tự công cộng. Cần áp dụng Điều 33 Bộ luật Hình sự xử phạt tù đối với các bị cáo N1, K, C1, T12.

Các bị cáo P1, A2, S, D2, T7 chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; bị cáo P1, bị cáo A2, bị cáo T7 có đơn được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo D2 là người khuyết tật đặc biệt nặng (liệt hai chân, phải sử dụng xe lăn). Vì vậy, cần áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự về án treo đối với các bị cáo P1, A2, T7. Cần áp dụng Điều 31 Bộ luật Hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo S, bị cáo D2, thời gian các bị cáo bị tạm giữ được trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo S lao động nông nghiệp, thu nhập thấp và không ổn định; bị cáo D2 là người tàn tật, không lao động được, không có thu nhập nên miễn khấu trừ thu nhập cho hai bị cáo. Cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 3 Điều 248; các khoản 2; 3; 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, T12, S. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D2.

Về vật chứng:

- Vật chứng vụ án đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản quản lý vật chứng ngày 12/6/2017 gồm có:

+01 chiếc chiếu cói, 01 tấm thảm, 01 chiếc ghế nhựa, 01 chiếc ghế gỗ; 15 mảnh sứ vỡ, 04 quân bài vị; đây là công cụ phạm tội; cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+Số tiền 17.310.000,đồng thu giữ trên chiếu bạc; số tiền 750.000,đồng thu giữ từ bị cáo D2, cộng là 18.060.000,đồng. Cần áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ nhà nước.

+Số tiền 500.000,đồng thu giữ từ bị cáo S, không liên quan đến vụ đánh bạc ngày 17/02/2017 tại nhà bị cáo S, cần trả lại cho bị cáo.

-Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra đã trả cho bị cáo P1 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14H5-9722; đã trả cho bị cáo A2: 01 xe mô tô biển kiểm soát 29K4- 4262; đã trả cho anh Phạm Ngọc T17: 01 xe SH, không đeo biển kiểm soát; chuyển 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH, số khung RLHJF212DY022329, số máy JF42E-0022361 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; đã trả anh Đinh Công M1 số tiền 5.310.000,đồng.

-Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave biển kiểm soát 17K7-4198; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave biển kiểm soát 29X3- 2548; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave không có biển kiểm soát; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM mang biển kiểm soát 17N6- 1405; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVO LX mang biển kiểm soát 29D1- 26465; Cơ quan điều tra không chuyển Chi cục Thi hành án nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Thanh N1, Lưu Đức P1, Tạ Ngọc A2, Trần Đức K, Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn D2, (Tên gọi khác: Nguyễn Văn R2), Tạ Ngọc T12, Lê Văn S (Tên gọi khác: Lê Hữu S) phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:

2.1). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 33; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Bùi Thanh N1: 10 (Mười) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2017.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền nộp một lần 7.000.000,đồng (Bảy triệu đồng) đối với bị cáo N1.

2.2). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 248; Điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 60; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Lưu Đức P1: 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 8 năm 2017. Giao bị cáo P1 cho Ủy ban nhân dân xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền nộp một lần 15.000.000,đồng (Mười lăm triệu đồng) đối với bị cáo P1.

2.3). Áp dụng: Khoản 1; Khoản 3 Điều 248; Điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 60; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Tạ Ngọc A2 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 8 năm 2017. Giao bị cáo A2 cho Ủy ban nhân dân xã T4, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền nộp một lần 10.000.000,đồng (Mười triệu đồng) đối với bị cáo A2.

2.4). Áp dụng: Khoản 1; Khoản 3 Điều 248; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 33; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Trần Đức K 08 (Tám) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2017.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền nộp một lần 5.000.000,đồng (Năm triệu đồng) đối với bị cáo K.

2.5). Áp dụng: Khoản 1; Khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 60; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T7: 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18 tháng 8 năm 2017. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền nộp một lần 5.000.000,đồng (Năm triệu đồng) đối với bị cáo T7.

2.6). Áp dụng: Khoản 1; Khoản 3 Điều 248; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 33; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1: 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2017.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền nộp một lần 5.000.000,đồng (Năm triệu đồng) đối với bị cáo C1.

2.7). Áp dụng: Khoản 1; Khoản 3 Điều 248; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 33; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự. Khoản 5 Điều 227; Khoản 2 Điều 255 Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Xử phạt bị cáo Tạ Ngọc T12: 04 (Bốn) tháng 15 (Mười lăm) ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày 03/4/2017. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền nộp một lần 7.000.000,đồng (Bảy triệu đồng) đối với bị cáo T12.

2.8). Áp dụng: Khoản 1; Khoản 3 Điều 248; Điểm p, điểm h Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 31; Khoản 2; Khoản 3; Khoản 4 Điều 30 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Lê Văn S (Tên gọi khác: Lê Hữu S) 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã T8, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

-Hình phạt bổ sung: Phạt tiền nộp một lần 5.000.000,đồng (Năm triệu đồng) đối với bị cáo S.

2.9). Áp dụng: Khoản 1 Điều 248; Điểm p, điểm h Khoản 1; Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 31 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D2 (Tên gọi khác: Nguyễn Văn R2) 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ; được trừ 03 (Ba) ngày tạm giữ bằng 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải thi hành 11 (Mười một) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T10, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo D2.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện T2, tỉnh Thái Bình thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện T2, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Khoản 1; Điểm a, Điểm c Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 6 năm 2017 được xử lý như sau:

+Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu cói, 01 tấm thảm, 01 chiếc ghế nhựa, 01 chiếc ghế gỗ; 15 mảnh sứ vỡ, 04 quần bài vãi;

+Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 18.060.000,đồng gồm: 17.310.000,đồng thu giữ trên chiếu bạc; số tiền 750.000,đồng thu giữ từ bị cáo D2.

+Trả lại bị cáo S số tiền 500.000,đồng.

4. Về án phí: Áp dụng: Khoản 1; Khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1; Khoản 3 Điều 21; Điểm a; Điểm c Khoản 1 Điều 23; Điểm b Khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, T12, S, D2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo N1, P1, A2, K, T7, C1, T12, S, D2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN VĂN TÙNG